TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 5 - 2021
V/v "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn 3, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Việt C, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang cư trú tại: Nhật Bản, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Giấy ủy quyền ngày 10/11/2020 có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1975; cùng nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam, đều có mặt.

4. Người làm chứng: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Bùi Mạnh T và chị Bùi Thị Việt C kết hôn ngày 26 tháng 5 năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 68/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam đã quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Việt C và anh Bùi Mạnh T.

Về con chung: Chị Bùi Thị Việt C và anh Bùi Mạnh T thống nhất giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 14 tháng 5 năm năm 2016 cho chị Bùi Thị Việt C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi, anh Bùi Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các đương sự còn thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn và thỏa thuận việc chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngay sau khi có Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A. Đến ngày 18 tháng 01 năm 2019, chị Bùi Thị Việt C làm Giấy ủy quyền cho ông Bùi Văn N và bà Vũ Thị H với nội dung giao cháu Bùi Đức A cho ông N, bà H chăm sóc và nuôi dưỡng một thời gian (Giấy ủy quyền có chứng thực của UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam).

Quan điểm của nguyên đơn: Sau khi ly hôn gia đình anh T đến thăm cháu Đức A, thời gian đầu gia đình chị C không ngăn cản nhưng tỏ thái độ không đón tiếp gia đình anh T và sau đó đã gây khó khăn, có những lời nói khó nghe; đồng thời, ngăn cản không cho gia đình anh T đón cháu A về chơi cùng gia đình nữa. Đến nay, chị C đi lao động tại Nhật Bản và giao cháu A cho ông N, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhiều lần gia đình anh T đến thăm cháu A thấy thể trạng của cháu A hơi gầy nên rất lo cho cháu vì sắp đủ tuổi đi học lớp một, đây là giai đoạn rất quan trọng cần phải có cha, mẹ trực tiếp chăm sóc, bảo ban cháu. Do vậy, anh T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân anh T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng gần 20.000.000 đồng và đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A phát triển về mọi mặt thể chất cũng như tinh thần.

Quan điểm của bị đơn, cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác định: Vì muốn cải thiện kinh tế để nuôi dạy cháu Đức A nên chị Bùi Thị Việt C đi xuất khẩu tại Nhật Bản. Trước khi đi có ủy quyền việc chăm sóc cháu A cho ông N, bà H (Là bố mẹ đẻ chị C) nuôi dưỡng cháu A cho đến khi chị C về nước có xác nhận của chính quyền địa phương. Từ khi chị C đi lao động tại Nhật Bản đến nay, chị C vẫn thường xuyên liên lạc, vun đắp tình cảm với cháu A và cung cấp đầy đủ kinh phí sinh hoạt nuôi dưỡng cháu A. Hiện nay, cháu A đang theo học tại Trường mầm non xã T và được các cô, nhà trường dạy dỗ bài bản, khoa học. Cháu A rất ngoan, hiếu thảo và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn, anh T đã nhiều lần lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu tới việc trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu A. Do vậy, chị C không đồng ý và không yên tâm khi để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Chị C tiếp tục ủy quyền cho ông N, bà H nuôi dưỡng cháu A đến khi chị C về Việt Nam.

Tại phiên tòa, ông N và bà H đều nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Đức A đến khi chị C về Việt Nam. Từ khi chị C đi lao động xuất khẩu ở Nhật Bản đến nay, mỗi tháng chị C gửi 20.000.000 đồng về cho ông N, bà H để chi phí, nuôi dưỡng và sinh hoạt hàng ngày cho cháu Đức A. Nay ông N và bà H không nhất trí giao cháu Bùi Đức A cho anh Bùi Mạnh T nuôi dưỡng.

Quan điểm của người làm chứng xác định: Ngày 20/9/2018 (Gần ngày trung thu) anh Hoàng Văn C nhận chở anh Bùi Mạnh T đến Trường mầm non ở Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam để thăm con trai anh T. Khi đến nơi, anh T vào lớp được khoảng 10 phút thì anh C nghe thấy tiếng người phụ nữ trung tuổi to tiếng (Sau này anh C biết là bà H mẹ vợ cũ của anh T). Sau đó, hai bên giằng co bé trai con anh T; bà H còn to tiếng chửi anh T và cấm anh T không được gặp; đồng thời, nói với cô giáo đang trông lớp "Cô không được cho anh T gặp cháu tôi, khi chưa được sự đồng ý của tôi, có vấn đề gì cô phải chịu trách nhiệm". Sau đó, bà H bế cháu trai ra khỏi lớp, đưa cháu về. Ngoài ra anh C không còn chứng kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều giữ nguyên nội dung đã trình bày, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nếu được nuôi con anh T sẽ nhờ bố mẹ đẻ (Ông T, bà H) chăm sóc nuôi dưỡng hàng ngày, đến cuối tuần được nghỉ hoặc có công việc cần thì anh T sẽ về chăm sóc cháu Đức A; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Mạnh T về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ thay đổi nuôi con: Tại Quyết định số 68/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam đã công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 14/5/2016 cho chị Bùi Thị Việt C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh Bùi Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của anh Bùi Mạnh T, Hội đồng xét xử thấy: Từ thời điểm chị C nuôi cháu A đến khi chị C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, cháu A phát triển bình thường (Trong thời gian này anh T không có ý định thay đổi nuôi con), từ khi chị C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản (Đầu năm 2019), chị C cũng đã ý thức được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên trước khi đi lao động xuất khẩu chị C viết Giấy ủy quyền cho ông N, bà H (Bố, mẹ đẻ chị C) chăm sóc, nuôi dạy cháu Đức A và có chứng thực của UBND xã T, huyện T. Hiện cháu Đức A đang theo học tại Trường mầm non xã T; việc học của cháu ổn định bình thường; về sức khỏe và tinh thần của cháu cũng phát triển tốt, được thể hiện tại Biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam với đại diện các ban ngành của UBND xã T (Đặc biệt cô giáo trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy cháu Đức A hàng ngày tại Trường mầm non xã T) đều khẳng định: *"Quá trình học tại Trường mầm non xã T từ năm 2017, bà H thường xuyên đưa đón cháu, cháu A học rất ngoan, nhận thức tốt, phát triển bình thường và cháu A không hay bị ốm, cháu A đi học đều. Về cân nặng, chiều cao của cháu phát triển bình thường, không có thời điểm nào cháu sút cân. Hàng quý nhà Trường tổ chức cân nặng và đo chiều cao của các cháu; đồng thời, chấm biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sức khỏe của cháu A. Chính quyền địa phương xác định cháu A phát triển bình thường như các cháu cùng lứa tuổi".* Như vậy, từ khi chị C nuôi cháu Đức A cho đến khi chị C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và đến thời điểm ông N, bà H nuôi cháu A thay chị C, cháu A vẫn phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Việc anh T cho rằng thấy thể trạng của cháu A hơi gầy yếu là không có căn cứ. Đến nay, anh T không đưa ra được căn cứ để chứng minh việc chị C không đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu A.

Mặt khác, từ khi ly hôn cho đến nay giữa anh T và chị C cũng không có thỏa thuận về việc thay đổi người nuôi con và hiện tại cháu A mới vừa đủ 5 tuổi nên không đủ điều kiện để xem xét theo nguyện vọng của cháu A (Hỏi ý kiến của cháu). Hơn nữa, tại Biên bản làm việc giữa chính quyền địa phương xã L, huyện T với Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đại diện chính quyền địa phương (Trong đó có Trưởng thôn C) đều cung cấp anh T lái xe cho Công ty tại Hà Nội và thường xuyên ăn ở tại Hà Nội, khi nào có công việc gì thì về quê với bố, mẹ anh T; tại phiên tòa, anh T xác định nếu được nuôi cháu Đức A, anh T cũng nhờ bố, mẹ đẻ nuôi dưỡng, chăm sóc hàng ngày, đến cuối tuần được nghỉ hoặc có công việc cần thì anh T sẽ về chăm sóc cháu Đức A. Như vậy, nếu để anh T nuôi dưỡng cháu A cũng không khác gì để cho chị C nuôi dưỡng và hiện tại cháu A

đang ở ổn định với ông N, bà H, nếu giao cho anh T nuôi dưỡng sẽ làm đảo lộn cuộc sống và ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm lý của cháu Đức A. Do đó, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của anh T không phù hợp với khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Mạnh T.

[3] Việc anh Bùi Mạnh T cho rằng chị C và ông N, bà H cản trở anh T trong việc thăm nom chăm sóc cháu Đức A nhưng qua các tài liệu xác minh của Tòa án, cũng như tài liệu anh T xuất trình thì chưa đủ căn cứ khẳng định chị C và gia đình cản trở anh T thăm nom, chăm sóc cháu Đức A. Qua vụ án này, Hội đồng xét xử yêu cầu chị C và gia đình tạo mọi điều kiện để anh T thực hiện quyền thăm nom con theo Luật Hôn nhân và gia đình; ngược lại anh T cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Đức A.

[3] Về án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con: Anh Bùi Mạnh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 58; 81; 82; 83; 84 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Mạnh T về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn".

2. Về án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con: Anh Bùi Mạnh T không phải chịu. Trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Bùi Mạnh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004890 ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự (Chị C) vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã L, huyện T;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đức Thủy